

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v huỷ kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hoa.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Phạm Thị Minh Thư.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên họp:*
Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “huỷ kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh **Tạ Văn H**, sinh năm 1993; địa chỉ: **xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Bùi Mỹ L**, sinh ngày 29/9/1999; địa chỉ: **xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.**

+ Ủy ban nhân dân xã **K**, huyện **Y**, tỉnh **Ninh Bình.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Minh C** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **K**, huyện **Y**, tỉnh **Ninh Bình.**

Đại diện theo uỷ quyền của ông **Phạm Minh C**: Ông **Phạm Ngọc N** – Công chức tư pháp - hộ tịch xã **K**, huyện **Y**, tỉnh **Ninh Bình** (theo văn bản uỷ quyền ngày 26/6/2024).

Tại phiên họp: Có mặt anh **Tạ Văn H**, chị **Bùi Mỹ L**, ông **Phạm Ngọc N** - đại diện theo uỷ quyền **UBND xã K**.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp giải quyết việc dân sự thể hiện:*

Anh **Tạ Văn H** và chị **Bùi Mỹ L** được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã K** vào ngày 01/7/2015. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn chị

Bùi Mỹ L đã xuất trình “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” của UBND xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình xác nhận chị Bùi Mỹ L sinh ngày 29/9/1994 chưa đăng ký kết hôn với ai và khi viết tờ khai đăng ký kết hôn chị Bùi Mỹ L đều khai chị sinh ngày 29/9/1994. Do vậy UBND xã K đã cấp Đăng ký kết hôn cho anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L sinh ngày 29/9/1994. Sau khi kết hôn anh và chị L chung sống với nhau hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau, trong cuộc sống vợ chồng anh chị không phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2021 khi làm căn cước công dân gắn chip thì anh H mới biết chị Bùi Mỹ L sinh ngày 29/9/1999 không phải là ngày 29/9/1994 như trong Giấy đăng ký kết hôn. Đầu năm 2024 anh H đã báo cáo với UBND xã K về việc Giấy đăng ký kết hôn UBND xã cấp cho anh và chị L không đúng. UBND xã K đã xác minh và đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-CT ngày 19/4/2024 đối với chị Bùi Mỹ L về hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến nay anh thấy năm 2015 anh và chị L kết hôn với nhau khi chị L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, nên anh đề nghị Toà án tuyên huỷ hôn trái pháp luật giữa anh và chị Bùi Mỹ L theo giấy đăng ký kết hôn số 35/2015 ngày 01/7/2015 do UBND xã K cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Mỹ L trình bày: Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân nhưng tại thời điểm năm 2015 chị chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Để được đăng ký kết hôn với anh H nên khi chị đi xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình chị đã cố ý khai sai sự thật với cán bộ tư pháp xã về năm sinh của chị; cụ thể trong giấy khai sinh và căn cước công dân của chị đều ghi sinh ngày 29/9/1999 nhưng chị đã khai với cán bộ Tư pháp xã Y, huyện N chị sinh ngày 29/9/1994. UBND xã Y đã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị tên là Bùi Mỹ L sinh ngày 29/9/1994. Tại tờ khai đăng ký kết hôn, chị đã khai tên là Bùi Mỹ L sinh ngày 29/9/1994 và được UBND xã K, huyện Y cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2015 ngày 01/7/2015 cho chị và anh Tạ Văn H. Đầu năm 2024 UBND xã K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-CT ngày 19/4/2024 phạt 4.000.000đ về hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến nay anh Tạ Văn H đề nghị Toà án tuyên huỷ hôn nhân giữa chị và anh Tạ Văn H chị cũng đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã K trình bày: Ngày 1/7/2015 UBND xã K có cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Bùi Mỹ L và anh Tạ Văn H. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh H và chị L, UBND xã đã căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã Y cấp cho chị L và tờ khai đăng ký kê khai đăng ký kết hôn của anh H chị L để cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh H chị L. UBND xã không yêu cầu anh H và chị L xuất trình giấy tờ tùy thân. Đến đầu năm 2024 UBND xã phát hiện chị Bùi Mỹ L đã có hành vi gian dối cung cấp thông tin tài liệu sai sự thật về tình trạng hôn

nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn. UBND xã đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-CT ngày 19/4/2024 đối với chị **Bùi Mỹ L** bằng hình thức phạt tiền 4.000.000đ về hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn, đồng thời đã làm văn bản báo cáo đến Tòa án nhân dân huyện để giải quyết theo thẩm quyền. Để đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, **UBND xã K, huyện Y** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô giải quyết theo pháp luật, huỷ hôn nhân trái pháp luật giữa anh **Tạ Văn H** và chị **Bùi Mỹ L**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình. Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân tối cao, **Bộ Tư pháp**. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh **Tạ Văn H** về việc huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **Tạ Văn H** và chị **Bùi Mỹ L**; huỷ giấy đăng ký kết hôn số 35/2015 ngày 01/7/2015 của **Ủy ban nhân dân xã K**.

Về lệ phí: Anh **H** không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự, trả lại cho anh **Tạ Văn H** số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh **Tạ Văn H** có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị **Bùi Mỹ L** theo quy định khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị **Bùi Mỹ L** và anh **Tạ Văn H** đều cư trú tại **xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** nên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình có thẩm quyền giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 29; Điều 35 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh **Tạ Văn H** và chị **Bùi Mỹ L** tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã K**. Giấy đăng ký kết hôn số 35/2015 ngày 01/7/2015 **UBND xã K** đã cấp cho anh **Tạ Văn H**, sinh ngày 17/3/1993 và chị **Bùi Mỹ L**, sinh ngày 29/9/1994. Tuy nhiên tại giấy khai sinh và căn cước công dân của chị **Bùi Mỹ L** đều thể hiện chị **Bùi Mỹ L** sinh ngày 29/9/1999. Tại bản tự khai anh **Tạ Văn H**, chị **Bùi Mỹ L** đều thể hiện chị **Bùi Mỹ L** sinh

ngày 29/9/1999. Đến thời điểm ngày 1/7/2015 UBND xã K cấp Giấy đăng ký kết hôn cho anh H và chị L thì chị L mới đủ 15 năm 9 tháng 2 ngày tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình. Để được kết hôn với anh H chị Bùi Mỹ L đã có hành vi lừa dối anh H và gian dối với cơ quan đăng ký kết hôn. Chị Bùi Mỹ L đã khai sai thông tin về năm sinh để UBND xã Y, huyện N cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thể hiện chị Bùi Mỹ L sinh ngày 29/9/1994, tại tờ khai đăng ký kết hôn tại UBND xã K chị Bùi Mỹ L cũng khai chị sinh ngày 29/9/1994. UBND xã K khi cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L đã không yêu cầu anh H và chị L xuất trình căn cước công dân hay xuất trình Hộ khẩu gia đình để xác định chính xác tuổi của Bùi Mỹ L mà đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh H chị L vào ngày 1/7/2015 khi chị L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình. Do vậy, hôn nhân giữa anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L đã vi phạm Điều 5, Điều 8 Luật hôn nhân gia đình nên có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh Tạ Văn H và đề nghị của UBND xã K huỷ hôn nhân trái pháp luật giữa anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L, huỷ Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2015 ngày 01/7/2015 của UBND xã K cấp cho anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L là phù hợp với Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về hậu quả của việc huỷ kết hôn trái pháp luật: anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung: anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L có 02 con chung, tại phiên họp anh chị xác định vẫn còn tình cảm, anh H đề nghị huỷ hôn nhân trái pháp luật để đăng ký kết hôn lại cho đúng với ngày tháng năm sinh của chị Bùi Mỹ L và làm căn cứ để cải chính lại giấy tờ khai sinh cho con chung nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 11, Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Tạ Văn H không phải nộp tiền lệ phí. Trả lại cho anh Tạ Văn H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0001941 ngày 30/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 149, Điều 369, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân gia đình. Khoản 2 - Điều 11, Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Tạ Văn H. Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L, huỷ giấy chứng nhận kết hôn số 35/2015 ngày 01/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã K.

Anh Tạ Văn H và chị Bùi Mỹ L phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về lệ phí sơ thẩm: anh Tạ Văn H không phải nộp lệ phí sơ thẩm, trả lại cho anh Tạ Văn H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001941 ngày 30/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Mô;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Khánh Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hoa